TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.

2. Bà Phạm Quế Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Mộng T**, sinh năm 1989. (Có mặt)
Địa chỉ: Khu vực T, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn S**, sinh năm 1988. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu vực Tr, phường A, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2018 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Mộng T trình bày:

Vào năm 2011, chị và anh Trần Văn S sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A vào ngày 14/8/2017.

Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh S hạnh phúc từ khi cưới đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình, khi chị mang thai thì anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị và gia đình đã cố khuyên can nhưng anh không từ bỏ nên khi chị sinh con chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Có 01 con tên Trần Quốc B (nam), sinh ngày 02/7/2017. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu B đến trưởng thành, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Trần Văn S để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh S vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Mộng T và anh Trần Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị T khởi kiện ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn S đã được triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, anh S vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh S chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2017 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị và gia đình bên chồng đã cố khuyên can nhưng anh S không từ bỏ nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Đến tháng 7 năm 2017, chị về nhà cha mẹ chị để sinh con và vợ chồng cũng đã ly thân nhau từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh S có tới thăm con và năn nỉ chị quay về đoàn tụ, anh S hứa sẽ từ bỏ nhưng sau đó anh S vẫn không chấm dứt được mối quan hệ với người phụ nữ đó. Đến nay chị xác định đã không còn tình cảm anh S nên chị yêu cầu được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc triệu tập anh S đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa và có ý kiến đối với hôn nhân của mình nhưng phía anh S nhiều lần vắng mặt không lý do. Điều đó cho thấy anh S đã không còn thiết tha gì đến cuộc hôn nhân này, mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng và cho đến nay không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh S là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh S có 01 con chung tên Trần Quốc B (nam, sinh ngày 02/7/2017). Hiện nay cháu B đang sống với chị T, và chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng Bảo đến trưởng thành.

Tính đến ngày xét xử (10/5/2018), cháu B vẫn chưa tròn 12 tháng tuổi (10 tháng 08 ngày tuổi). Từ trước đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, đồng thời hiện nay cháu B rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục ổn định cho chị T được nuôi dưỡng cháu B đến trưởng thành là phù hợp.

Mặc dù anh S không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh S quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh S thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị T cho rằng hiện nay chị đang có công việc và thu nhập ổn định khoảng 200.000 đồng/ngày, đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, vả lại, thỉnh thoảng anh S cũng có phụ giúp chi phí để chị nuôi con nên chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh S vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung của chị T và anh S. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51; 56; 57; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Mộng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Mộng T được ly hôn với anh Trần Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Trần Quốc B (nam), sinh ngày 02/7/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh S không cấp dưỡng nuôi con.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản anh S thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Mộng T phải chịu số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, chuyển tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên

lai thu tạm ứng án phí số 001700 ngày 17/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn sang thành tiền án phí (công nhận chị T đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Thới An;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế